

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **33/2022/DS-ST**
Ngày: 23/6/2022
V/V tranh chấp “Quyền sở hữu đối với tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY-TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thái Thành Nam

Bà Lê Thị Hồng Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2020/TLST- DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp “Quyền sở hữu đối với tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST- DS ngày 25 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: A, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số 80/2, khu phố A, phường A1 thị xã A2, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: B, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Số 22/17/4/2/2, Đoàn Thị Nghiệp, phường B1, thành phố B2, tỉnh Tiền Giang.

C, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Số 357, đường 3/2, khu phố C1, phường C2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông D, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Số 13/1, khu phố D1, phường D2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang.

(Bà A, chị B, chị C có mặt; ông D có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa **nguyên đơn bà A** trình bày:

Vào năm 1980 mẹ của bà là bà E có cho bà phần đất có diện tích 1.200m², tọa lạc khu 7, thị trấn Cai Lậy, huyện Cai Lậy (nay là khu phố A1, phường A2, thị xã A3), tỉnh Tiền Giang trên thửa đất có căn nhà thô sơ, lúc tặng bà cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tiên vào năm nào bà không nhớ, nhưng cấp giấy sau khi kết hôn với ông D, lúc tặng cho mẹ của bà chỉ nói miệng thôi chứ không có văn bản. Đến năm 1986 bà kết hôn với ông D, sau khi kết hôn thì bà và ông D sống với nhau tại căn nhà và thửa đất bà vừa trình bày ở trên. Ông D không có nhập hộ khẩu với hộ khẩu của bà. Quá trình sống chung thì bà và ông D có tạo lập được những tài sản chung là: vật dụng trong nhà gồm 01 giường ngủ, 01 đi văng, 01 tủ đựng quần áo, 01 bàn học. Căn nhà hiện tại đang cất trên phần đất thì cũng có công sức đóng góp 01 phần của ông D xây cất lại nhà, trong đó thì gạch, đá và cột thì bà đã mua từ trước khi kết hôn với ông D, có một số cây kiềng, chuồng heo hiện đã cũ không còn giá trị sử dụng, ngoài ra thì không còn tài sản gì khác. Đến năm 2018 thì bà và ông D đã ly hôn và ông D đã đi ở chỗ khác, không còn ở chung với bà. Quá trình sống chung thì bà và ông D có với nhau 02 người con tên B và C. Vào năm 2007 do hoàn cảnh kinh tế của bà khó khăn nên bà chuyển nhượng một phần diện tích đất nằm trong thửa đất của bà có diện tích 1.200m². Sau khi chuyển nhượng diện tích đất còn lại là 499,8m² và bà đã làm thủ tục tách thửa. Sau khi tách thửa phần đất trên thuộc thửa số 145, tờ bản đồ 16, được UBND huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H”05281 ngày 09/02/2007 do bà đại diện hộ gia đình đứng tên. Nguồn gốc thửa đất trên là của mẹ bà là bà E cho trước khi bà kết hôn với ông D, đây là tài sản riêng của bà. Lúc cho thì hiện trạng của thửa đất là đất vườn, có trồng chuối, có mương, quá trình sử dụng thì bà và ông D có lấp mương để có mặt bằng sử dụng, ngoài ra thì không có cải tạo gì đất nữa. Hai người con của bà thì không có công sức đóng góp cải tạo gì phần đất vì lúc sống với bà thì hai chị B và C chỉ lo học hành chứ không có làm công việc gì cải tạo đất. Hiện nay bà định chuyển đổi thửa đất này cho mẹ bà thì các con bà là chị B và C tranh chấp và không cho bà thực hiện quyền sử dụng đất của bà. Bà cũng có làm đơn gửi UBND phường A2 hòa giải nhưng các con của bà không đến.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Xác định thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số “H” 05281 do Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy cấp ngày 09/02/2007 cấp cho hộ bà A là tài sản riêng của bà Thuận.

- Bà A xin rút lại đối với yêu cầu khởi kiện buộc chị B và chị C chấm dứt hành vi cản trở bà A thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145 nêu trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị B trình bày:

Hộ bà A có được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất như bà A trình bày. Nguồn gốc của thửa đất theo như chị nghe người lớn kể lại là do bà ngoại của chị là bà E cho bà A, lúc đó thì bà A có ở cùng mấy em của bà A, sau

này bà A ở một mình, chị không xác định được lúc bà A ở một mình trên thửa đất đó là bà A kết hôn với ông D hay chưa vì chị không biết rõ bà ngoại cho đất vào thời gian nào. Quá trình bà A và ông D chung sống thì có tạo lập được những tài sản chung là vật dụng trong nhà như bà A trình bày, các cây trồng thì do ông D trồng, ông D và bà A có cùng nhau chở đất để bồi đắp thêm đất trên thửa đất trên. Quá trình chung sống với bà A thì chị phụ làm những công việc trong nhà, chứ nói về công sức lớn để cải tạo tăng giá trị thửa đất thì không có. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A thì chị không đồng ý vì đất này cấp cho hộ gia đình. Tại thời điểm cấp đất vào năm 2007 thì thành viên trong hộ gia đình có 03 nhân khẩu gồm: Bà A chủ hộ, chị và em của chị là B. Đây là tài sản chung của hộ gia đình nên bà A yêu cầu xác định đây là tài sản riêng bà A thì chị không đồng ý. Chị yêu cầu bà A giữ nguyên phần đất đó, thuộc tài sản chung của hộ gia đình. Ngoài ra chị không có ý kiến hay yêu cầu gì khác nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị C trình bày:

Chị thống nhất với ý kiến trình bày của chị B nguồn gốc của thửa đất mà bà A đang yêu cầu, về thành viên trong hộ khẩu tại thời điểm cấp đất như chị B trình bày là đúng. Nay chị cũng không đồng ý theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A vì phần đất này là tài sản được cấp chung cho hộ gia đình, nên các thành viên trong hộ có quyền sử dụng ngang nhau đối với tài sản. Quá trình bà A và ông D chung sống thì có tạo lập được tài sản chung là vật dụng trong nhà như bà A trình bày. Khi chị còn sống cùng với bà A thì chị không có công sức đóng góp gì đối với thửa đất, vì lúc đó chị còn nhỏ. Chị chỉ yêu cầu bà Thuận giữ nguyên phần đất đó, thuộc tài sản chung của hộ gia đình. Ngoài ra chị không có ý kiến hay yêu cầu yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn Tri trình bày:

Ông cũng thống nhất với lời trình bày của bà A, chị B và chị C về nguồn gốc của thửa đất tranh chấp. Trước khi cưới thì bà A cùng anh chị em ở trên phần đất đó, sau khi ông và bà A kết hôn thì anh chị em của bà A không có ở trên đất đó nữa chỉ có ông và bà Thuận ở. Diện tích đất lúc đầu là 1.200m², đến năm 1993 thì phần đất đó được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu tiên cấp cho hộ bà A, sau đó thì bà A có bán hai phần đất nằm trong phần diện tích đất như đã nêu trên, nên đến năm 2007 thì cấp đổi lại thành thửa đất như hiện giờ. Lúc sống chung thì ông không có nhập hộ khẩu chung với bà A vì lúc đó ông cũng ở cùng Phường với bà A nhưng chỉ khác khu phố thôi, ông ở chung hộ khẩu với ba mẹ ruột của ông. Quá trình chung sống thì ông và bà A có tạo lập được các tài sản chung gồm: vật dụng trong nhà và hai vợ chồng có mua thêm phần đất có diện tích khoảng 806m², sau khi ly hôn đến năm 2020 thì ông và bà A thỏa thuận chia mỗi người phân nửa bà A được diện tích 408,8m² và đã được cấp đổi lại giấy riêng vào năm 2020 rồi, những cây trồng trên đất thì do ông trồng, nhưng hiện các cây trồng này không còn nhiều và cũng không có giá trị gì nhiều, ngoài ra thì ông và bà A không có tài sản chung gì khác. Ông và bà A có 02 người con tên B và C. Trong quá trình chị B và chị C sống chung với bà A thì có phụ bà A làm những công việc nhỏ

trong nhà, trông nhà khi ông bà đi vắng. Chứ không có công sức lớn trong việc cải tạo đất. Nay bà A khởi kiện yêu cầu xác định thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số “H” 05281 do Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy cấp ngày 09/02/2007 cấp cho hộ bà A là tài sản riêng của bà A thì ông cũng không có ý kiến gì, ông cũng không có yêu cầu gì đối với thửa đất trên và tài sản trên đất ông không có yêu cầu gì hết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Tư cách của người tham gia tố tụng tuân thủ theo đúng quy định của Điều 68, 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. **Xác định** thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 05281 do Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy cấp ngày 09/02/2007 cấp cho hộ bà A là tài sản của bà A. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc chị B và chị C chấm dứt hành vi cản trở bà A thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 05281 do Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy cấp ngày 09/02/2007 cấp cho hộ bà Trần Thị Thuận.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự, các tài liệu chứng cứ được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ông D là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt ông D tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án “Tranh chấp quyền sở hữu đối với tài sản” và phần đất tranh chấp tọa lạc tại khu phố A1, phường A2, thị xã A3, tỉnh Tiền Giang. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm c khoản 1

Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà A yêu cầu xác định thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số “H” 05281 do Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy cấp ngày 09/02/2007 cấp cho hộ bà A là tài sản riêng của bà A. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo bản sao hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang cung cấp thể hiện: ngày 19/6/2006 hộ bà A được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ H04513 thửa đất số 136, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.310,6m². Đến năm 2007 hộ bà A thực hiện đo đạc tách thửa đất số 136 thành ba thửa: thửa 143, tờ bản đồ số 16, diện tích 379,7m²; Thửa đất số 144, tờ bản đồ số 16, diện tích 434,2m²; Thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,8m². Trong đó thửa đất 144, tờ bản đồ số 16, diện tích 434,2m² chuyển nhượng cho hộ bà E1. Phần còn lại của hộ bà A là thửa 143 và 145. Căn cứ vào hồ sơ chuyển nhượng Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Cai Lậy lúc bấy giờ in Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 143 và 145 tham mưu cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cai Lậy trình Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp Giấy chứng nhận cho hộ bà A. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện sổ hộ khẩu của bà A tại thời điểm cấp đất gồm có ba thành viên: bà A (chủ hộ); chị B, chị C. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự cũng thống nhất về nguồn gốc của thửa đất số 145, tờ bản đồ số 16, diện tích 499.8m² có nguồn gốc nhận tặng cho từ bà E là mẹ của bà A tặng cho bà A. Các đương sự cũng thống nhất về thành viên trong hộ tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có ba thành viên là bà A, chị B và chị C. Hơn nữa, tại biên bản lấy lời khai của bà E thể hiện phần đất bà A đang ở có nguồn gốc trước đây là của mẹ bà E cho bà E, sau đó bà E cho lại bà A, thời điểm tặng cho đất lúc đó bà A chưa lấy chồng, lúc tặng cho thì chỉ nói miệng không có làm hợp đồng tặng cho. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án ông Dtrình bày sau khi kết hôn với bà A thì ông và bà A sống với nhau tại căn nhà trên phần đất thuộc 145, tờ bản đồ số 16, diện tích 499.8m² như hiện nay, quá trình chung sống với bà A thì ông và bà Thuận có tạo lập được các tài sản chung gồm: vật dụng trong nhà như bà A trình bày, ông và bà A có mua thêm phần đất có diện tích khoảng 806m², sau khi ly hôn đến năm 2020 thì ông và bà A thỏa thuận chia mỗi người phân nửa phần đất diện tích 806m² mà ông và bà A cùng mua chung, bà A được nhận diện tích 408,8m² và đã được cấp đổi lại giấy riêng vào năm 2020 cho ông và Thuận rồi, những cây trồng trên thửa đất 145 thì do ông trồng, nhưng hiện các cây trồng này không còn nhiều và cũng không có giá trị gì nhiều, ngoài ra thì ông và bà Thuận không có tài sản chung gì khác. Nay bà A khởi kiện yêu cầu xác định thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số “H” 05281 do Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy cấp ngày 09/02/2007 cấp cho hộ bà A là tài sản riêng của bà A thì ông không có ý kiến gì, ông cũng không có yêu cầu gì đối với thửa đất trên và

tài sản trên đất ông không có yêu cầu gì hết. Hội đồng xét xử xét thấy, mặt dù thửa đất 145, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,8m² được UBND huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà A, nhưng xét về nguồn gốc của thửa đất thì có nguồn gốc do mẹ của bà A là E tặng cho bà A, thời điểm tặng cho lúc đó thì bà A chưa lập gia đình, thời điểm đó cũng chưa có chị B và chị C. Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị B và chị C trình bày thời gian hai chị sống cùng với bà A thì hai chị đi học và đi làm, thời gian rảnh thì chỉ phụ bà A những công việc nhỏ trong nhà chứ cũng không có công sức cải tạo gì đối với thửa đất trên, chị B và chị C không có yêu cầu gì đối với thửa đất này, hai chị chỉ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà A là xác định thửa đất 145 là tài sản riêng của bà A với lý do vì thửa đất 145 được UBND huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình. Do đó, căn cứ theo Điều 212 của Bộ luật Dân sự thì thửa đất 145, tờ bản đồ số 16, diện tích 499,8m² không là tài sản chung của các thành viên hộ gia đình của bà A vì quá trình sống chung với bà A thì chị B và chị C không có công sức đóng góp, cùng nhau tạo lập nên tài sản là thửa đất 145.

[4] Theo đơn khởi kiện ngày 16/6/2020 thì nguyên đơn bà A có yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B và chị C chấm dứt hành vi cản trở bà A thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145 nêu trên. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa thì nguyên đơn bà A xin rút lại yêu cầu buộc chị B và chị C chấm dứt hành vi cản trở bà A thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145 nêu trên. Nguyên đơn bà A chỉ yêu cầu xác định thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số “H” 05281 do Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy cấp ngày 09/02/2007 cấp cho hộ bà A là tài sản riêng của bà A. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của bà A.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **xác định** thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 05281 do Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy cấp ngày 09/02/2007 cấp cho hộ bà A là tài sản của bà A.

[6] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà A tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc, đã nộp xong.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phía bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho phía nguyên đơn theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên chị B và chị C phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là **300.000** đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 101; Điều 212 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 100; Điều 166 của Luật đất đai;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về dân sự:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc chị B và chị C chấm dứt hành vi cản trở bà A thực hiện quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 05281 do Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy cấp ngày 09/02/2007 cấp cho hộ bà A.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà A. **Xác định** thửa đất số 145, tờ bản đồ 16, diện tích 499,8m² tọa lạc khu phố 2, phường 2, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số “H” 05281 do Ủy ban nhân dân huyện Cai lậy cấp ngày 09/02/2007 cấp cho hộ bà A là tài sản của bà A.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá và đo đạc nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí.

3. Về án phí: Buộc chị B và chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Bà A, chị B, chị C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Ngô Văn Tri có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Thoa

